

Số: 1694/QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 19 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 01/8/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Xoài khóa V-kỳ họp thứ năm thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 01/8/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Xoài khóa V-kỳ họp thứ năm thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn 05 năm (lần 2), giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 01/8/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Xoài khóa V-kỳ họp thứ năm Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án: Lập đề án Quy hoạch tỷ lệ 1/2000 khu vực phường Tiến Thành, phường Tân Bình và phường Tân Thiện;

Căn cứ Quyết định số 4899/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Xoài về việc giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố tại Tờ trình số 588/TTr-TCKH ngày 17/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022 trên địa bàn thành phố Đồng Xoài cho các phòng-ban, đơn vị thành phố, Ủy ban nhân dân một số phường-xã. Cụ thể như sau:

1. Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư năm 2022: 360 tỷ 981 triệu đồng, bố trí cho 56 công trình và một số nội dung khác, gồm: 24 công trình chuyên

tiếp và vốn bố trí chờ quyết toán; 25 công trình đầu tư mới năm 2022; bố trí nguồn bổ sung có mục tiêu cho phường Tiến Thành và KH&CN; dự án chuẩn bị đầu tư năm 2023-2025 cho 07 công trình, gồm:

a) *Các công trình chuyển tiếp*: Vốn bố trí 144 tỷ 501 triệu đồng, chiếm 40,03% kế hoạch vốn đầu tư XDCB điều chỉnh năm 2022, phân bổ cho 24 công trình và vốn chờ quyết toán.

b) *Các công trình đầu tư mới*: Vốn bố trí 210 tỷ 480 triệu đồng, chiếm 58,31% kế hoạch vốn đầu tư XDCB điều chỉnh năm 2022, phân bổ 25 công trình đầu tư mới năm 2022, bố trí nguồn bổ sung (hỗ trợ có mục tiêu cho phường Tiến Thành) và lĩnh vực KH&CN.

c) *Các công trình chuẩn bị đầu tư cho năm 2023-2025*: Vốn bố trí 01 tỷ đồng, phân bổ cho 07 công trình chuẩn bị đầu tư.

d) *Vốn bổ sung (hỗ trợ) có mục tiêu*: Vốn bố trí 05 tỷ đồng, chiếm 1,38% kế hoạch vốn đầu tư XDCB điều chỉnh năm 2022, bố trí cho các phường, xã san ủi mặt bằng các tuyến đường quy hoạch vận động các hộ dân trả lại quyền SDD (hiền đất) làm đường và các nội dung khác.

(Chi tiết có biểu số 01 và biểu số 02 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao các chủ đầu tư:

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về tiến độ thực hiện dự án và kết quả giải ngân vốn đầu tư công. Tiếp tục có giải pháp hiệu quả tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với từng dự án chậm tiến độ, chậm giải ngân, nhất là công tác giải phóng mặt bằng các dự án. Tập trung hoàn thành công tác đo vẽ bản đồ và cắm mốc các tuyến đường theo quy hoạch giao xã, phường vận động các hộ dân tự nguyện trả lại đất (hiền đất), ưu tiên các dự án đầu tư mới năm 2022 và chuẩn bị đầu tư năm 2023.

- Tăng cường công tác giám sát thi công, đôn đốc nhà thầu thi công đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo chất lượng công trình. Tổ chức nghiệm thu từng giai đoạn của dự án, khẩn trương hoàn thiện hồ sơ làm thủ tục để thanh toán với KBNN, không để dồn khối lượng thanh toán vào cuối năm. Sau khi công trình hoàn thành, tổng hợp hồ sơ quyết toán và bàn giao cho đơn vị sử dụng đúng quy định.

- Có chế tài xử lý nghiêm khắc đối với các nhà thầu vi phạm tiến độ xây dựng, chất lượng công trình, chậm làm thủ tục thanh quyết toán công trình hoàn thành và vi phạm các điều khoản hợp đồng đã ký kết.

2. Đối với các đơn vị được giao đấu giá quyền sử dụng đất:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với phòng Quản lý đô thị, phòng Tài chính - Kế hoạch, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố và Ủy ban nhân dân các phường, xã: Tập trung hoàn thiện thủ tục tổ chức đấu giá đất công đợt 1, đợt 2 và đợt 3 (theo chủ trương của Thành ủy) để tạo nguồn vốn thanh toán khối lượng hoàn thành của các dự án.



- Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố và các phòng ban chuyên môn thành phố, Ủy ban nhân dân các phường, xã: rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tạo lập quỹ đất công để tổ chức bồi thường, GPMB, đấu giá tạo nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng của thành phố các năm tiếp theo.

4. Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố:

- Tham mưu bố trí nguồn vốn cho các dự án theo kế hoạch. Theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố tiến độ giải ngân vốn đầu tư. Đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định điều chuyển vốn đối với các dự án có tỷ lệ giải ngân đạt thấp sang các dự án có tiến độ giải ngân tốt và có nhu cầu bổ sung vốn theo quy định, phân đấu tỷ lệ giải ngân vốn năm 2022 đạt trên 95%.

- Đôn đốc các Chủ đầu tư thực hiện quyết toán các dự án hoàn thành, thanh toán tạm ứng với KBNN và tất toán công trình, nhất là đối với các công trình nợ tạm ứng quá hạn.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố, Thủ trưởng các đơn vị, phòng - ban thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường - xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở KH&ĐT;
- Sở Tài chính;
- KBNN Bình Phước;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND thành phố;
- CT, PCT UBND thành phố;
- Như điều 3;
- Công thông tin điện tử thành phố;
- LĐVP, CV: KT, CNTT;
- Lưu: VT: *160*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Bình



Biểu số: 01

NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XDCB ĐIỀU CHỈNH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 1694/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của UBND thành phố Đồng Xoài).

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Stt	NỘI DUNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	Nguồn vốn đầu năm 2022	Nguồn vốn điều chỉnh năm 2022	Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3	6
I	Vốn ngân sách tỉnh giao thành phố làm chủ đầu tư năm 2022 (1+2)	167.189	137.189	(30.000)	
1	Các công trình chuyển tiếp	102.189	82.189	(20.000)	
1.1	Xử lý cấp bách dự án thoát lũ Suối Đá - NSTW	30.000	30.000	-	
1.2	Xây dựng trường MN Hòa Mi, thị xã Đồng Xoài (giai đoạn 2)	189	189	-	
1.3	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ Nguyễn Bình đến QL14 và từ đường Lê Duẩn đến Trần Phú)	60.000	44.000	(16.000)	
1.4	XD đường Lý Thường Kiệt nối dài (đoạn từ đường PRĐ đến đường Nguyễn Huệ - P.Tân Đồng)	12.000	8.000	(4.000)	
2	Vốn đầu tư các công trình mới	65.000	55.000	(10.000)	
2.1	Xây dựng đường vào trại giam An Phước.	45.000	45.000	-	
2.2	XD đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	20.000	10.000	(10.000)	
II	Vốn đầu tư của ngân sách thành phố (1+2+3+4+5+6)	309.680	360.981	51.301	
1	Vốn phân cấp từ ngân sách tỉnh	29.400	-	(29.400)	
2	Vốn tăng thu thường xuyên để bố trí đầu tư		29.400	29.400	
3	Thu tiền sử dụng đất	286.000	251.000	(35.000)	
1.1	Thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất toàn thành phố	36.000	36.000	-	
1.2	Thu tiền bán đấu giá đất của thành phố	250.000	215.000	(35.000)	
4	Vốn bổ sung có mục tiêu NS tỉnh cho thành phố		65.700	65.700	
5	Vốn XDCB từ năm 2021 về trước chuyển sang (CV 49/CV-HĐND ngày 05/7/2022 của HĐND thành phố)		25.101	25.101	
6	Dự phòng ngân sách cho lĩnh vực đầu tư	(5.720)	(10.220)	(4.500)	
	TỔNG CỘNG (I+II)	476.869	498.170	21.301	

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số ¹⁶⁹⁴ /QĐ-UBND ngày ¹⁹ tháng 8 năm 2022 của UBND thành phố Đồng Xoài).

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH	Dự toán	Lũy kế thanh toán hết năm 2021	KẾ HOẠCH NĂM 2022								CHỦ ĐẦU TƯ	
				Kế hoạch đầu năm			Kế hoạch điều chỉnh						
				Tổng cộng	Nguồn cân đối	Nguồn SDD	Tổng	Nguồn cân đối	Nguồn SDD (phân cấp 2022)	Nguồn SDD (tăng thu 2022)	Nguồn tăng thu SDD 2021 (theo CV 49/CV-HĐND của HĐND TP)		Nguồn BSCMT
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=9->13	9	10	11	12	13	14
I	CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP	681.200	236.747	225.200	29.400	195.800	144.501	26.190	26.525	66.685	25.101	-	
1	Giáo dục	38.000	19.000	18.000	13.500	4.500	18.000	11.500	4.500	-	2.000	-	
1.1	Xây dựng 18 phòng học lầu Trường Tiểu học Tiến Thành	11.000	7.000	4.500	4.500		3.500	3.500					Ban QLCSA
1.2	Xây dựng 18 phòng học lầu Trường THCS Tân Xuân	20.000	12.000	9.000	9.000		8.000	8.000					Ban QLCSA
1.3	Trang thiết bị phòng học bộ môn còn thiếu	7.000	-	4.500		4.500	6.500		4.500		2.000		Phòng GD-ĐT
2	Giao thông- Hạ tầng kỹ thuật	310.859	188.245	36.600	5.600	31.000	43.192	5.300	3.000	29.400	5.492	-	
2.1	GPMB + XD đường nối Đặng Thai Mai - Lý Thường Kiệt	68.962	63.327	5.000		5.000	5.000			5.000			Ban QLCSA
2.2	GPMB + XD đường QH số 18 (đoạn từ Lê Duẩn đến Võ Văn Tần)	31.917	29.543	2.000		2.000	2.000			2.000			Ban QLCSA
2.3	GPMB + XD đường Trường Chinh (đoạn từ QL14 đến đường vành đai khu CN Đồng Xoài III)	79.800	46.153	10.000		10.000	12.400			12.400			Ban QLCSA
2.4	Xây dựng đường vành đai phía nam Đồng Xoài (đoạn qua phường Tân Bình)	60.000	45.978	10.000		10.000	10.000			10.000			Ban QLCSA
2.5	Xây dựng đường An Dương Vương nối dài (đường QH số 48) phường Tân Phú (đoạn từ QL14 đến đường Hồ Xuân Hương), thành phố Đồng Xoài	50.000		1.000		1.000	1.000				1.000		Ban QLCSA
2.6	Xây dựng đường QH số 4 (từ đường QH18 đến đường Nguyễn Đức Cảnh) và đường Đoàn Thị Điểm (từ đường CMT8 đến đường QH số 4), phường Tân Phú	5.000	2.736	2.300	2.300		2.000	2.000					Phòng QLDT
2.7	Lắp hệ thống điện, cấp thoát nước và san lấp mặt bằng chợ Tân Thành	3.180		1.000	1.000		3.000	1.000			2.000		Ban QLCSA
2.8	GPMB + chỉnh trang vỉa hè và ngã rẽ đường Hai Bà Trưng	6.000		3.000		3.000	3.000		3.000				Ban QLCSA
2.9	Chặt hạ cây, vét một số đoạn khơi thông dòng chảy suối Rạt (qua phường Tân Đồng, Tân Xuân, Tân Thiện)	6.000	508	2.300	2.300	-	4.792	2.300	-		2.492	-	
<i>a</i>	Chặt hạ cây, vét một số đoạn khơi thông dòng chảy suối Rạt qua phường Tân Đồng	2.300	182	1.000	1.000		1.818	1.000			818		UBND P. Tân Đồng

TĐO

STT	DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH	Dự toán	Lũy kế thanh toán hết năm 2021	KẾ HOẠCH NĂM 2022									CHỦ ĐẦU TƯ
				Kế hoạch đầu năm			Kế hoạch điều chỉnh						
				Tổng cộng	Nguồn cân đối	Nguồn SDD	Tổng	Nguồn cân đối	Nguồn SDD (phân cấp 2022)	Nguồn SDD (tăng thu 2022)	Nguồn tăng thu SDD 2021 (theo CV 49/CV-HĐND của HĐND TP)	Nguồn BSCMT	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=9->13	9	10	11	12	13	14
b	Chặt hạ cây, vét một số đoạn khơi thông dòng chảy suối Rạt qua phường Tân Thiện	1.700	130	500	500		1.370	500			870		UBND P. Tân Thiện
c	Chặt hạ cây, vét một số đoạn khơi thông dòng chảy suối Rạt qua phường Tân Xuân	2.000	196	800	800		1.604	800			804		UBND P. Tân Xuân
3	Quy hoạch	43.538	6.991	14.800	4.800	10.000	28.600	5.190	12.025	-	11.385	-	
3.1	Đo đạc, cắm mốc các tuyến đường quy hoạch	20.000	6.991	5.000		5.000	7.000		7.000				Phòng TN-MT
3.2	Lập Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Tiến Thành và phường Tân Bình	2.628	-	800	800		2.600	800			1.800		Phòng QLDT (Giám 200trd so NQ88)
3.3	Quy hoạch tỷ lệ 1:2000 Khu vực Tiến Hưng	10.050	-	4.000	4.000		9.000	4.390			4.610		Phòng QLDT
3.4	Quy hoạch tỷ lệ 1:2000 Khu vực Tân Thành	10.860	-	5.000		5.000	10.000		5.025		4.975		Phòng QLDT
4	Thương mại - Dịch vụ	13.750	13.501	9.000	1.500	7.500	200	200	-		-		
4.1	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa chợ Đồng Xoài	13.750	13.501	9.000	1.500	7.500	200	200					Phòng QLDT
5	Quốc phòng	10.000	-	7.000	-	7.000	9.000	-	7.000	-	2.000	-	
5.1	Xây dựng công+ hàng rào phía trước + nhà bảo vệ+ giếng khoan và đường điện trung, hạ thế và TBA khu vực hậu cần kỹ thuật Ban Chỉ huy quân sự thành phố	10.000		7.000		7.000	9.000		7.000		2.000		Ban CHQS TP
6	Giải phóng mặt bằng	254.771	6.010	132.800	-	132.800	38.000	-	-	33.976	4.024	-	
6.1	GTĐB Công viên cây xanh xã Tiến Hưng (nghĩa trang xã Tiến Hưng) thị xã (nay là thành phố) Đồng Xoài	5.500	4.524	800		800	800			800			Xí nghiệp CTCC
6.2	Dự án Nghĩa trang Đồng Xoài 2, ấp Bung Sê xã Tân Thành	9.971	1.486	5.000		5.000	5.000			5.000			Xí nghiệp CTCC
6.3	Đường Võ Văn Tần (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Tôn Đức Thắng) phường Tân Bình	30.000		18.000		18.000	18.000			18.000			Ban QLCD
6.4	Dự án khu quy hoạch trụ sở Công an thành phố Đồng Xoài, trường Tiểu học Tân Bình và khu dân cư dịch vụ hỗn hợp phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài	200.000		100.000		100.000	5.200			5.200			Ban QLCD
6.5	GPMB xây dựng đường vành đai phía nam Đồng Xoài (đoạn qua phường Tân Bình)	9.300		9.000		9.000	9.000			4.976	4.024		Ban QLCD
7	Văn hoá - Xã hội	7.000	3.000	4.000	4.000	-	4.000	4.000	-	-	-	-	
7.1	Xử lý mặt bằng khu đất công Hồ Suối Cam I, cải tạo thành vườn hoa Thành phố Đồng Xoài	7.000	3.000	4.000	4.000		4.000	4.000					Xí nghiệp CTCC
8	Vốn bố trí cho các công trình chờ Quyết toán	3.282		3.000	-	3.000	3.509			3.309	200		Tăng 200trd (so với NQ88)
II	CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ MỚI NĂM 2022	390.500	1.676	83.480	-	83.480	210.480	3.210	100.875	40.695	-	65.700	
1	Giáo dục	49.200	910	15.000	-	15.000	34.200	3.210	30.990	-	-	-	

STT	DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH	Dự toán	Lũy kế thanh toán hết năm 2021	KẾ HOẠCH NĂM 2022									CHỦ ĐẦU TƯ	
				Kế hoạch đầu năm			Kế hoạch điều chỉnh							
				Tổng cộng	Nguồn cân đối	Nguồn SDD	Tổng	Nguồn cân đối	Nguồn SDD (phân cấp 2022)	Nguồn SDD (tăng thu 2022)	Nguồn tăng thu SDD 2021 (theo CV 49/CV-HĐND của HĐND TP)	Nguồn BSCMT		
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=9->13	9	10	11	12	13	14	
1.1	Xây dựng 12 phòng học và nhà thi đấu đa năng trường TH Tân Phú C	13.000	320	5.000		5.000	7.000			7.000				Ban QLCCA
1.2	Xây dựng 10 phòng chức năng và 08 phòng học lầu trường TH Tân Bình B	15.000	360	6.000		6.000	8.000			8.000				Ban QLCCA
1.3	Xây dựng 12 phòng học lầu trường TH Tân Xuân B	8.000	230	4.000		4.000	6.000			6.000				Ban QLCCA
1.4	Duy tu, sửa chữa lớn CSVC các trường MN, TH, THCS công lập trên địa bàn.	13.200					13.200	3.210		9.990				Phòng QLĐT
2	Giao thông - Hạ tầng kỹ thuật	279.300	766	39.480	-	39.480	147.280	-	45.045	36.535	-	65.700		
2.1	GPMB+ xây dựng phần còn lại đường Lê Lợi và các tuyến đường tiếp giáp Công viên Xoài, P. Tân Phú	16.000	75	6.000		6.000	6.000			-	6.000			Ban QLCCA
2.2	Xây dựng đường Quy hoạch số 11 (đường quy hoạch số 2) đoạn từ Phú Riêng Đò đến khu TTHC Tân Đông	15.500	400	8.000		8.000	8.000			8.000				Ban QLCCA
2.3	Chi phí GPMB dự án: Xây dựng đường Võ Văn Tần (đoạn từ đường số 31 đến đường Trường Chinh)	80.000		5.480		5.480	5.480			5.480				Ban QLCCA
2.4	Xây dựng đường Phan Bội Châu	60.000	291	20.000		20.000	20.000			20.000				Ban QLCCA
2.5	Cải tạo, nâng cấp 11 tuyến đường trên địa bàn phường Tân Phú	13.645					13.645						13.645	Phòng QLĐT
2.6	Cải tạo, nâng cấp 07 tuyến đường khu TTTM trên địa bàn phường Tân Bình	10.395					10.395						10.395	
2.7	Cải tạo, nâng cấp 06 tuyến đường (khu Sứ NN-PTNT tỉnh) trên địa bàn phường Tân Bình	7.060					7.060						7.060	Phòng QLĐT
2.8	Cải tạo, nâng cấp đường Lê Quý Đôn (từ Phú Riêng Đò đến ngã ba Sóc Miên) phường Tân Xuân- Tân Thiện	10.715					10.715						10.715	
2.9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nhựa (QL14-K23-Thuận Phú) xã Tân Thành	4.545					4.545			4.545				
2.10	Cải tạo, nâng cấp 06 tuyến đường trên địa bàn phường Tân Đông	10.360					10.360						10.360	
2.11	Nâng cấp, sửa chữa, làm công hộp đầu tuyến, nạo vét, thu gom nước thải sinh hoạt... mương thoát nước Lê Quý Đôn, khu phố Xuân Lộc và Tân Xuân, phường Tân Xuân	8.000					8.000						8.000	UBND P. Tân Xuân
2.12	Đường từ Lê Quý Đôn đến ngã 3 (KP Suối Đá, KP Phước Bình), phường Tân Xuân	6.500					6.500			6.500				

7/60

STT	DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH	Dự toán	Lũy kế thanh toán hết năm 2021	KẾ HOẠCH NĂM 2022									CHỦ ĐẦU TƯ	
				Kế hoạch đầu năm			Kế hoạch điều chỉnh							
				Tổng cộng	Nguồn cân đối	Nguồn SDD	Tổng	Nguồn cân đối	Nguồn SDD (phân cấp 2022)	Nguồn SDD (tăng thu 2022)	Nguồn tăng thu SDD 2021 (theo CV 49/CV-HĐND của HĐND TP)	Nguồn BSCMT		
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=9->13	9	10	11	12	13	14	
2.13	Làm đường BTXM 2 bên mương thoát nước Lê Quý Đôn, khu phố Xuân Lộc và Tân Xuân, phường Tân Xuân	7.000					7.000				1.475		5.525	
2.14	Lắp đặt, cải tạo hệ thống chiếu sáng đường Nguyễn Huệ thuộc các phường Tân Xuân, Tân Thiện, Tân Đồng	2.500					2.500				2.500			Phòng Kinh tế
2.15	Đo vẽ, cắm mốc, nạo vét, mở rộng và làm đường sỏi đỏ hai bên suối (từ Phú Riêng Đỏ đến suối Rạt), phường Tân Đồng	5.500					5.500				5.500			UBND P. Tân Đồng
2.16	Đường sỏi đỏ từ ngã năm đi khu phố 4, phường Tân Đồng	1.900					1.900				1.900			
2.17	Nâng cấp, cải tạo đường tư KCN Đồng Xoài II đi Tiên Hưng (địa bàn phường Tiên Thành)	2.000					2.000				2.000			UBND P.Tiên Thành
2.18	Thay thế tấm đan bị hư hỏng, lưới chắn rác.... một số tuyến đường trên địa bàn thành phố	10.000					10.000				10.000			Phòng QLĐT
2.19	Nạo vét cống, hồ ga... một số tuyến đường khu trung tâm thành phố Đồng Xoài	6.000					6.000		6.000		-			
2.20	Bổ sung (hỗ trợ) có mục tiêu nguồn vốn thanh toán các công trình NTM phường Tiên Thành	1.680					1.680				1.680			UBND P.Tiên Thành
3	Văn hoá - Xã hội	50.000	-	17.000	-	17.000	17.000	-	17.000	-	-	-	-	
3.1	Xây dựng quảng trường thành phố Đồng Xoài	50.000		17.000		17.000	17.000		17.000		-			Ban QLCA
4	Giải phóng mặt bằng	6.000	-	6.000	-	6.000	6.000	-	1.840	4.160	-	-	-	
4.1	Giải phóng mặt bằng 22ha đất thao trường huấn luyện (đất quốc phòng)	6.000		6.000		6.000	6.000		1.840	4.160				Ban CHQS TP
5	Khoa học công nghệ 2022 (Dự án: Xây dựng thành phố thông minh và chính quyền điện tử thành phố Đồng Xoài năm 2022)	6.000	-	6.000	-	6.000	6.000	-	6.000		-	-	-	Văn phòng HĐND&UBND thành phố
III	VỐN BỐ TRÍ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2023-2025	320.000	-	1.000	-	1.000	1.000	-	-	1.000	-	-	-	
1	Xây dựng 10P học lâu và 05 phòng học bộ môn Trường TH Tân Phú B	11.000		250		250	100				100			Ban QLCA
2	Xây dựng 10P học lâu và 05 phòng học bộ môn Trường TH Tân Đồng	11.000		250		250	100				100			Ban QLCA
3	Xây dựng 09 phòng học lâu trường TH Tân Bình	6.000		150		150	100				100			Ban QLCA
4	Xây dựng 21 phòng học, phòng học bộ môn, chức năng trường THCS Tiên Thành	20.000		350		350	150				150			Ban QLCA

760

STT	DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH	Dự toán	Lũy kế thanh toán hết năm 2021	KẾ HOẠCH NĂM 2022									CHỦ ĐẦU TƯ	
				Kế hoạch đầu năm			Kế hoạch điều chỉnh							
				Tổng cộng	Nguồn cân đối	Nguồn SDD	Tổng	Nguồn cân đối	Nguồn SDD (phân cấp 2022)	Nguồn SDD (tăng thu 2022)	Nguồn tăng thu SDD 2021 (theo CV 49/CV-HĐND của HĐND TP)	Nguồn BSCMT		
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=9->13	9	10	11	12	13	14	
5	GPMB + XD hoàn thiện các tuyến đường khu dân cư và đất xây dựng trụ sở ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh.	37.000					150			150				Ban QLCCA
6	Dự án đường Nguyễn Văn Trỗi (QH34) đoạn từ QL14 đến TTHC phường Tân Thiện (bao gồm cả ĐBGT và xây dựng)	185.000					250			250				Ban QLCCA
7	Cắm mốc và đo vẽ bản đồ các tuyến đường quy hoạch trên địa bàn (đợt 2)	50.000					150			150				Phòng TN-MT
IV	VỐN HỖ TRỢ (BỔ SUNG) CÓ MỤC TIÊU CÁC PHƯỜNG-XÃ	5.000	-	-	-	-	5.000	-	-	5.000	-	-	-	
1	Bổ sung có mục tiêu kinh phí san ủi mặt bằng các tuyến đường giao thông theo Quy hoạch và các nội dung khác	5.000					5.000			5.000				UBND các phường, xã
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)	1.396.700	238.423	309.680	29.400	280.280	360.981	29.400	127.400	113.380	25.101	65.700		



7/6/20